

PHIẾU KẾT QUẢ

Chất lượng khí thải

Mã số: 190225KT105-KT106



Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POUSUNG VIỆT NAM

KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Đồi 61, Trảng Bom, Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 20/02/2025

Ngày phân tích: 21/02/2025 – 25/02/2025

Ngày trả kết quả: 26/02/2025

Kết quả:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT105	KT106	C _{max} - Cột B
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	°C	PP/HT/KT001/QT01	33,0	33,0	-
2	Áp suất ⁽²⁾	mmHg	PP/HT/KT005/QT01	756	755	-
3	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	US.EPA Method 2	9.294	9.487	-
4	Bụi tổng ⁽²⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5	12,6	16,5	160

Ghi chú: (-): Không quy định; (--): Không đo đạc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; Trong đó $K_p = 0,8$; $K_v = 1,0$.

- KT105: A32.1HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn mài đế (X: 1210834; Y: 421052).

- KT106: A32.2HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn mài đế (X: 1210816; Y: 421102).

1. Kết quả đo đạc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.

2. ⁽¹⁾. Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; ⁽²⁾. Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; ⁽³⁾. Chỉ tiêu tham khảo;

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

SỐ PKQ: 01816/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0357.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 19/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.0357.KT1**: "Ổng thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn - A1.7XS
Tọa độ: X:1210569 Y:421201"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0357.KT1	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.186	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,3	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	12,7	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	27	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiện



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01867/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0453.KT5
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM**

Ngày lấy mẫu : 27/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.0453.KT5**: "Ổng thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – A8.11XS
Tọa độ: X:1210569 Y:421201"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0453.KT5	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.814	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,4	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,18	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	36	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,13	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



Như Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01821/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0357.KT6
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 19/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đông 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0357.KT6: "Ổng thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn - A10.10XS
Tọa độ: X:1210796 Y:421157"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0357.KT6	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.945	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,4	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,45	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	34	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,33	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



T.S. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01823/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0357.KT8
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 19/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0357.KT8: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn - A10.12XS
Tọa độ: X:1210788 Y:421176"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0357.KT8	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.131	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,4	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,56	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	30	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,28	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

Giám đốc

ThS. Phan Thị Hoài Trinh





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01817/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0357.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 19/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.0357.KT2**: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn - A10.13XS
Tọa độ: X:1210788 Y:421176"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0357.KT2	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.723	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,3	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	8,1	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	29	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

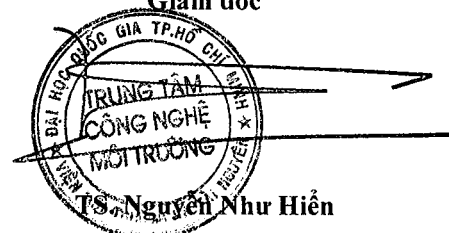
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01818/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0357.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 19/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0357.KT3: "Ổng thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn - A10.14XS
Tọa độ: X:1210788 Y:421176"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0357.KT3	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.909	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,4	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	13,1	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	28	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

Giám đốc

ThS. Phan Thị Hoài Trinh





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01819/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0357.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 19/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0357.KT4: "Ổng thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn - A10.15XS
Tọa độ: X:1210788 Y:421176"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0357.KT4	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.550	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,4	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	9,86	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

SỐ PKQ: 01820/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0357.KT5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 19/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0357.KT5: "Ổng thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn - A10.16XS
Tọa độ: X:1210788 Y:421176"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0357.KT5	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.312	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,4	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	9,11	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	35	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



Ts. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01799/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0367.KT1
---	---	---

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 20/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.0367.KT1**: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – A26.1XS
Tọa độ: X:1210519 Y:421386"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0367.KT1	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	9.213	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,2	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,77	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	30	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



ThS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01852/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0462.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 28/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0462.KT4: "Ống thoát khí hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn nhúng khuôn dao_A9.1XS
Tọa độ: X:1210911 Y:421112"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0462.KT4	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	5.386	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,6	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,7	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	36	-	-
5	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
6	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
7	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
8	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,6 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

Giám đốc

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01853/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0462.KT5
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM**

Ngày lấy mẫu : 28/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.0462.KT5**: "Ống thoát khí hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn xít sơn khuôn đế_A9.2XS
Tọa độ: X:1210973 Y:421143"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0462.KT5	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	5.141	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,6	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,4	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
5	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
6	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
7	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
8	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,6 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền

PHIẾU KẾT QUẢ

Chất lượng khí thải



Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM

KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Đồi 61, Trảng Bom, Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 19/02/2025

Ngày phân tích: 21/02/2025 – 25/02/2025

Ngày trả kết quả: 26/02/2025

Kết quả:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT104	C _{max} - Cột B
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	°C	PP/HT/KT001/QT01	35,0	-
2	Áp suất ⁽²⁾	mmHg	PP/HT/KT005/QT01	757	-
3	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	US.EPA Method 2	2.303	-
4	Bụi tổng ⁽²⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5	26,9	-

Ghi chú: (-): Không quy định; (--) : Không đo đặc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; Trong đó $K_p = 0,8$; $K_v = 1,0$.

- KT104: A9.7YM - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn cắt liệu kim loại bằng máy Laser (X: 1210905; Y: 421130).

1. Kết quả đo đặc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.

2. ⁽¹⁾, Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; ⁽²⁾, Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; ⁽³⁾, Chỉ tiêu tham khảo;

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

PHIẾU KẾT QUẢ

Chất lượng khí thải

Mã số: 190225KT107-KT108



Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM

KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Đồi 61, Trảng Bom, Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 20/02/2025

Ngày phân tích: 21/02/2025 – 25/02/2025

Ngày trả kết quả: 26/02/2025

Kết quả:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT107	KT108	C _{max} - Cột B
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	°C	PP/HT/KT001/QT01	41,0	35,0	-
2	Áp suất ⁽²⁾	mmHg	PP/HT/KT005/QT01	757	757	-
3	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	US.EPA Method 2	1.747	1.770	-
4	Bụi tổng ⁽²⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5	10,2	11,4	160

Ghi chú: (-): Không quy định; (--) : Không đo đặc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; Trong đó $K_p = 0,8$; $K_v = 1,0$.

- KT107: J1.1HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn trộn liệu (X:1211118; Y:421121).

- KT108: J1.2HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn trộn liệu (X:1211118; Y:421121).

1. Kết quả đo đặc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.

2. ⁽¹⁾. Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; ⁽²⁾. Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; ⁽³⁾. Chỉ tiêu tham khảo;

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

PHIẾU KẾT QUẢ

Chất lượng khí thải

Mã số:

Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM

KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Đồi 61, Trảng Bom, Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 20/02/2025

Ngày phân tích 21/02/2025 – 25/02/2025

Ngày trả kết quả: 26/02/2025

Kết quả:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT109	KT110	C _{max} - Cột B
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	°C	PP/HT/KT001/QT01	35,0	32,0	-
2	Áp suất ⁽²⁾	mmHg	PP/HT/KT005/QT01	757	757	-
3	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	US.EPA Method 2	2.838	1.560	-
4	Bụi tổng ⁽²⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5	13,2	9,50	160

Ghi chú: (-): Không quy định; (--): Không đo đặc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; Trong đó $K_p = 0,8$; $K_v = 1,0$.

- KT109: J1.3HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn trộn liệu (X:1211118; Y:421121).

- KT110: J1.4HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn trộn liệu (X:1211118; Y:421121).

1. Kết quả đo đặc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.

2. ⁽¹⁾. Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; ⁽²⁾. Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; ⁽³⁾. Chỉ tiêu tham khảo;

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

PHIẾU KẾT QUẢ

Chất lượng khí thải



Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM

KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Đồi 61, Trảng Bom, Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 20/02/2025

Ngày phân tích: 21/02/2025 – 25/02/2025

Ngày trả kết quả: 26/02/2025

Kết quả:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT111	KT112	C _{max} - Cột B
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	°C	PP/HT/KT001/QT01	37,0	33,0	-
2	Áp suất ⁽²⁾	mmHg	PP/HT/KT005/QT01	756	758	-
3	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	US.EPA Method 2	4.932	13.732	-
4	Bụi tổng ⁽²⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5	19,9	22,5	160

Ghi chú: (-): Không quy định; (--) : Không đo đạc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; Trong đó $K_p = 0,8$; $K_v = 1,0$.
- KT111: J2.1HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn mài đế (X:1211137; Y:420945).
- KT112: J2.2HB - Ống thoát khí HTXL bụi từ công đoạn mài đế (X:1211137; Y:420945).

1. Kết quả đo đạc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.

2. ⁽¹⁾, Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; ⁽²⁾, Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; ⁽³⁾, Chỉ tiêu tham khảo;

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01834/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0406.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 24/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.0406.KT3**: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.1XS
Tọa độ: X:1211199; Y:421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0406.KT3	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.006	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,3	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	5,9	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	34	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

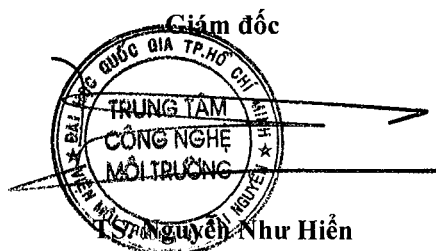
Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01833/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0406.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 24/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.0406.KT2**: "Ổng thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.2XS
Tọa độ: X:1211199; Y:421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0406.KT2	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.668	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,4	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,57	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01832/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0406.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 24/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.0406.KT1: "Ổng thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.3XS"**
Tọa độ: X:1211199; Y:421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0406.KT1	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.969	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,3	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	9,13	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	31	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01831/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0399.KT7
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 22/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0399.KT7: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.4XS
Tọa độ: X:1211199 Y:421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0399.KT7	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.750	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,5	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,16	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

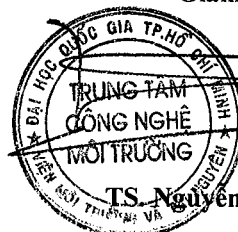
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiện



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01830/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0399.KT6
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 22/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0399.KT6: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.5XS
Tọa độ: X:1211199 Y:421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0399.KT6	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.604	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,5	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,5	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01829/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0399.KT5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 22/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0399.KT5: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.6XS
Tọa độ: X:1211199 Y:421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0399.KT5	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.620	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,5	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,1	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

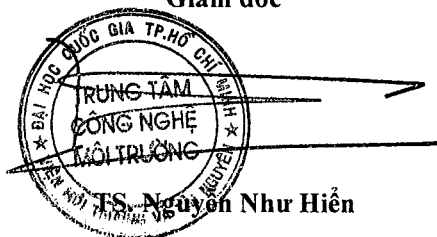
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

Giám đốc

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01828/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0399.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 22/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.0399.KT4**: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.7XS
Tọa độ: X:1211199 Y:421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0399.KT4	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.737	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,6	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,3	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	36	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01827/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0399.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 22/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.0399.KT3: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.8XS
Tọa độ: X:1211199 Y:421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0399.KT3	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.815	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,5	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,8	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	36	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

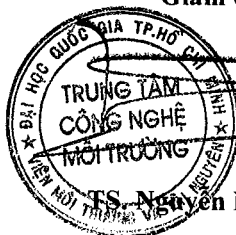
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01826/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0399.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 22/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.0399.KT2: "Ổng thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.9XS
Tọa độ: X:1211199 Y:421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0399.KT2	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.714	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,5	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,9	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	34	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

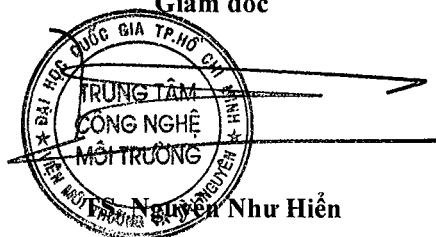
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01825/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0399.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 22/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.0399.KT1: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.10XS"**
Tọa độ: X:1211192 Y:421041"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0399.KT1	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.285	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,5	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	8,5	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	31	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,03	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,13	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

Giám đốc

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01862/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0381.KT7
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 21/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0381.KT7: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – 3.11XS
Tọa độ: X:1211192 Y:421041"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0381.KT7	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.032	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,97	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,03	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,13	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01861/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0381.KT6
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 21/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0381.KT6: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.12XS
Tọa độ: X:1211192 Y:421041"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0381.KT6	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.180	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,74	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	34	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,03	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,12	-	750

Ghi chú:

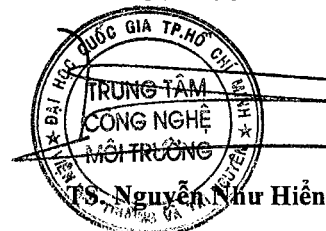
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01860/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0381.KT5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 21/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.0381.KT5**: "Ổng thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.13XS
Tọa độ: X:1211192 Y:421041"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0381.KT5	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.290	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,4	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	6,54	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01859/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0381.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 21/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0381.KT4: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.14XS
Tọa độ: X:1211192 Y:421041"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0381.KT4	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.152	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,5	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,21	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	34	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

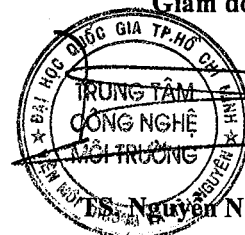
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01797/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0381.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 21/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.0381.KT3: "Ổng thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.15XS
Tọa độ: X:1211192 Y:421041"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0381.KT3	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.083	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,4	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	8,09	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01796/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0381.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 21/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.0381.KT2: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.16XS
Tọa độ: X:1211192 Y:421041"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0381.KT2	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.085	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,5	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	7,39	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

Giám đốc

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01835/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0406.KT4
---	---	---

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM**

Ngày lấy mẫu : 24/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.0406.KT4**: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.17XS
Tọa độ: X:1211199; Y:421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0406.KT4	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.783	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,3	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	8,44	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01836/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0406.KT5
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 24/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.0406.KT5**: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.18XS
Tọa độ: X:1211199; Y:421022"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0406.KT5	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.371	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,2	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	9,6	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	37	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01837/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0406.KT6
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 24/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.0406.KT6**: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.19XS
Tọa độ: X:1211264; Y:420993"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0406.KT6	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.953	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,4	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	8,61	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	30	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,12	-	750

Ghi chú:

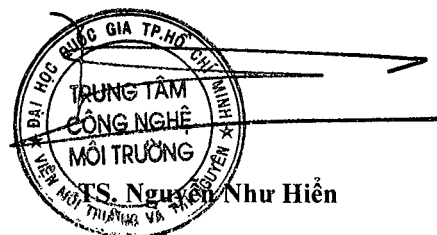
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu đo nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

Giám đốc

ThS. Phan Thị Hoài Trinh





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01838/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0406.KT7
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 24/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.0406.KT7: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.20XS
Tọa độ: X:1211264; Y:420993"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0406.KT7	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.755	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,4	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	9,1	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	38	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,12	-	750

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01848/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0413.KT6
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 25/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0413.KT6: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – J3.21XS
Tọa độ: X:1211264 Y:420993"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0406.KT6	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	1.426	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,6	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	5,2	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	30	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

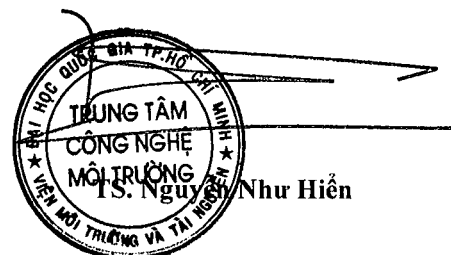
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

Giám đốc

ThS. Phan Thị Hoài Trinh





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01851/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0462.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU SUNG VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 28/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.0462.KT3: "Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ công đoạn xịt sơn – K1.1XS
Tọa độ: X:1211506 Y:421594"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.0462.KT3	Cột B Kp=0,8 và Kv=1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.334	-	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.02/LAET	1.009,5	-	-
3	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	8,4	160	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-	-
5	Methyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	610
6	Etylaxetat ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,21)	-	1.400
7	Butyl acetate ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	-	950
8	n-Butanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,96)	-	360
9	n-Heptane ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,02)	-	2.000
10	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	750

Ghi chú:

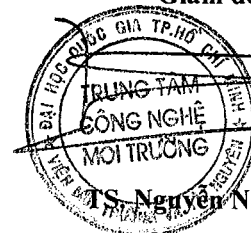
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 5,7 do VIMCERTS 066 thực hiện; chỉ tiêu số 6,8 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=1;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền

PHIẾU KẾT QUẢ

Chất lượng khí thải



Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM

KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Đồi 61, Trảng Bom, Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 19/02/2025

Ngày phân tích: 21/02/2025 – 25/02/2025

Ngày trả kết quả: 26/02/2025

Kết quả:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT102	KT103	C _{max} - Cột B
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	°C	PP/HT/KT001/QT01	34,0	33,0	-
2	Áp suất ⁽²⁾	mmHg	PP/HT/KT005/QT01	755	756	-
3	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	US.EPA Method 2	18.165	17.463	-
4	Bụi tổng ⁽²⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5	35,5	38,4	160

Ghi chú: (-): Không quy định; (--): Không đo đặc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; Trong đó $K_p = 0,8$; $K_v = 1,0$.
- KT102: CP1.1HB - Ống thoát khí HTXL bụi gỗ (X: 1210005; Y: 421020).
- KT103: CP1.2HB - Ống thoát khí HTXL bụi gỗ (X: 1210017; Y: 420009).

1. Kết quả đo đặc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.

2. ⁽¹⁾. Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; ⁽²⁾. Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; ⁽³⁾. Chỉ tiêu tham khảo;

3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.